TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22 /QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985

Trú tại: thôn T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985

Trú tại: Đội 2, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

anh **Nguyễn Văn T** và chị **Nguyễn Thị C**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh T và chị C thỏa thuận giao con chung duy nhất là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 31/10/2015 cho chị C (là mẹ) trực tiếp nuôi dưỡng; Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí LHST, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai số AA/2012/08703 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Trả lại anh T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
Thẩm phán

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS;

Phan Thanh Hà